

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 788 /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 12 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chi thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá spilit đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá spilit mở rộng tại đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Căn cứ Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng công trình khai thác đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Công ty TNHH Châu Quý;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Châu Quý (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1363/TTr-STNMT ngày 14/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty TNHH Châu Quý được khai thác, chế biến đá split làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát tại đồi Chấn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 61.398 m²; trong đó, khu vực khai thác 1 có diện tích 17.263 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 và 7; khu vực khai trường 1 có diện tích 2.135 m² được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 5 và 6; khu vực khai thác 2 có diện tích 29.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 11, 12, 13, 14, 15 và 16; khu vực khai trường 2 có diện tích 13.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 7, 8, 9, 10, 11 và 16 có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 749.245 m³; trong đó, trữ lượng đá split làm vật liệu xây dựng thông thường là 705.717 m³; trữ lượng đá khối sản xuất đá ốp lát là 43.528 m³.

+ Trữ lượng được khai thác: 703.488 m³; trong đó, trữ lượng đá split làm vật liệu xây dựng thông thường là 668.314 m³; trữ lượng đá khối sản xuất đá ốp lát là 35.174 m³.

- Công suất khai thác: 24.000 m³/năm.

- Mức sâu khai thác: Đến cos +10 m đối với khu vực khai thác 1; cos +40 m đối với khu vực khai thác 2.

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 08 tháng.

- Lệ phí cấp Giấy phép: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

b) Chuyển mục đích sử dụng 42.000 m² đất rừng sản xuất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung sang đất khai thác khoáng sản và cho Công ty TNHH Châu Quý thuê 61.398 m² đất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung (gồm 42.000 m² nêu trên và 19.398 m² đất khai thác khoáng sản đơn vị đang quản lý, sử dụng) để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 314/TLBD do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 24/6/2016;

- Tình trạng khu đất: Công ty TNHH Châu Quý đã bồi thường GPMB toàn bộ diện tích 61.398 m² (phần diện tích mỏ cũ đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường, phần diện tích mở rộng đã được UBND huyện Hà Trung xác nhận tại Công văn số 1746/UBND-TNMT ngày 28/9/2016);

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn sử dụng: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Châu Quý có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

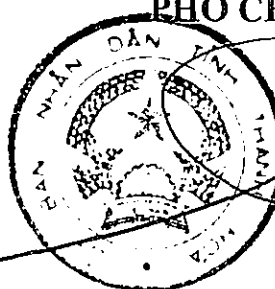
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 131/GP-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác mỏ đá split làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty TNHH Châu Quý chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH Châu Quý;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký:.....ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 201

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số: 01

TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ SPILIT LÀM VLXD THÔNG
THƯỜNG TẠI ĐỒI CHÂN, XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 488 /GP-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)
1	2215 192,20	585 203,80
2	2215 153,00	585 336,00
3	2215 327,00	585 336,00
4	2215 351,00	585 274,00
5	2215 388,00	585 277,00
6	2215 3811,00	585 315,00
7	2215 231,09	585 221,05
8	2215 266,50	585 133,55
9	2215 177,56	585 099,54
10	2215 206,23	585 034,70
11	2215 154,27	585 012,70
12	2215 143,42	585 008,11
13	2215 211,82	585 876,30
14	2215 140,38	585 844,86
15	2214 969,12	585 084,46
16	2215 101,67	585 120,20
17	2215 208, 60	585 151,99